TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT
Ngày: 30 - 6 - 2022
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLPT- DS ngày 28/02/2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2022/QĐXX-PT ngày 09 tháng 5 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và ông P: Luật sư Ngô Thành B - Công ty Luật TNHH NTCL, thuộc Đoàn luật sư thành phố HN.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Ông Nguyễn Văn T21, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm Nguyên L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn E, xã Phúc N, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q. Là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Đội 11, Đại Đ, xã Nghĩa S, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Anh Nguyễn Văn T22, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm Nguyên L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

- Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm Đồng A, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn; Ông Nguyễn Văn T2 và Ông Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt bà N, ông T, bà T, ông T1, bà H, anh T2. Những người còn lại đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại Tòa án, phía nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày như sau: Bố mẹ bà là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1922 đã chết năm 1978 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1939 đã chết năm 2015. Bố mẹ bà có 07 người con là: 1 - Nguyễn Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Đội 1, HTX Đồng L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ; 2 - Nguyễn Văn T21, sinh năm 1959. Địa chỉ: Đội 1, HTX Đồng Lạc, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ; 3 - Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961. Địa chỉ: Đội 1, HTX Đồng L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ; 4 - Nguyễn Thị N1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn E, xã Phúc N, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q; 5 - Nguyễn Văn P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Đội 1, HTX Đồng L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ; 6 - Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đội 1, HTX Đồng L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ; 7 - Nguyễn Thị M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Đội 11, Đại Đ, xã Nghĩa S, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ. Ngoài ra bố mẹ bà không có con đẻ, con nuôi nào khác theo quy định của pháp luật. Bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn H và bà

Nguyễn Thị H đã chết trước ông Hùng và bà Hùng. Bố mẹ bà có một mảnh đất tại địa chỉ: Đội 1, HTX Đồng L, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa H, tỉnh NĐ. Nguồn gốc là do bố mẹ vượt lập lên. Bố mẹ bà chết đi không để lại di chúc phân chia tài sản cho các con. Đến nay Nhà nước có dự án thu hồi đất của bố mẹ bà để lại để giải phóng mặt bằng làm kênh nối Đáy - Ninh Cơ. Anh em trong gia đình đã nhất trí để Nhà nước giải phóng mặt bằng và đã được nhà nước hỗ trợ đền bù số tiền đối với quyền sử dụng đất là 3.301.640.000 đồng. Số tiền đền bù này Ông Nguyễn Văn T2 và Ông Nguyễn Văn P cùng cháu Nguyễn Văn T2 (con anh T1) đã nhận tại UBND xã Nghĩa L. Sau khi nhận tiền xong ông T và ông P không tổ chức họp bàn trong gia đình để phân chia số tiền trên. Do đó ông Nguyễn Văn T21 đã làm đơn đề nghị UBND xã Nghĩa L hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 11/9/2020 tại UBND xã Nghĩa L, ông T và ông P đã tự ý chia cho ông T1 số tiền là 260.400.000 đồng và chia cho các chị em gái là 50.000.000 đồng số tiền còn lại ông T và ông P lấy hết. Bản thân bà N không nhất trí với cách phân chia trên vì bà cho rằng không công bằng, do đó bà không nhận 50.000.000 đồng và không ký biên bản hòa giải. Ngày 30/9/2020 và ngày 29/10/2020 UBND xã tiếp tục tiến hành hòa giải nhưng không thành. Bà N cho rằng khi bố mẹ bà còn sống cũng như khi đau ốm bà đều có trách nhiệm chăm sóc phục vụ như các anh chị, vì vậy khi bố mẹ qua đời bà cũng phải được hưởng phần tài sản bố mẹ để lại công bằng như các anh chị. Vì vậy bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa H xem xét giải quyết việc phân chia số tiền đền bù đối với quyền sử dụng đất do bố mẹ bà để lại là 3.301.640.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) làm bảy phần bằng nhau cho 07 người con theo quy định của pháp luật. Số tiền ông P và ông T đã nhận tiền đền bù cho quyền sử dụng đất của bố mẹ bà phải chia lại cho các anh em khác.

* Bị đơn Ông Nguyễn Văn T2 trình bày thống nhất về quan hệ gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông có ý kiến: Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông khai hoang vượt lập lên. Khu đất bố mẹ ông khai hoang là ở bãi ngoài đê sông Ninh cơ, hằng năm vào mùa mưa lũ dòng chảy làm xói mòn rất nhiều, bề mặt đất rất thấp, phải chờ thủy triều rút mới vào nhà được. Vợ chồng ông đã phải quật lập lên rất nhiều để bồi đắp lên cho đất có thể trồng cấy được. Năm 1985 ông lập gia đình đến năm 1988 mẹ ông là bà Nguyễn Thị H cho đất phía Đông thổ đất. Đến năm 2001 ông đã sửa lại nâng cấp cho đến nay. Từ năm 2004 xã Nghĩa L đến đo thực địa và từ đó đến nay ông phải đóng thuế nhà đất. Năm 2007, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh NĐ về đo đất, mẹ ông là bà Nguyễn Thị H đã phân định mô mốc cho ông và ông P. Trong quá trình ở ông đã vượt lấn thêm khoảng 400m2 về phía Đông và Nam

và đóng góp nghĩa vụ thuế đầy đủ với Nhà nước. Trước khi Nhà nước có dự án giải tỏa đất của gia đình ông thì mảnh đất đó không có giá trị cao và gia đình vẫn hòa thuận vui vẻ. Nay Nhà nước thu hồi đất thì riêng ông được nhận khoảng 1,4 tỷ tiền đất (không bao gồm tiền nhà, tiền hoa màu). Ông và ông P thống nhất chia cho mỗi anh chị em 50 triệu đồng nhưng bà N không nhất trí. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không nhất trí. Ông xác định đất này đã được bố mẹ cho, nên không có ý kiến gì về nghĩa vụ với Nhà nước.

* Ông Nguyễn Văn P trình bày thống nhất với nguyên đơn về quan hệ gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông có ý kiến: Nguồn gốc đất là của bố mẹ ông khai hoang vượt lập lên. Khu đất bố mẹ ông khai hoang là ở bãi ngoài đê sông Ninh cơ, hằng năm vào mùa mưa lũ dòng chảy làm xói mòn rất nhiều, bề mặt đất rất thấp, phải chờ thủy triều rút mới vào nhà được. Vợ chồng ông đã phải quật lập lên rất nhiều để bồi đắp lên cho đất có thể trồng cấy được. Năm 1990 ông lập gia đình đến năm 1993 mẹ ông là bà Nguyễn Thị H cho đất phía Tây thổ đất. Trong quá trình ở ông đã sửa lại nâng cấp cho đến nay. Từ năm 2004 xã Nghĩa L đến đo thực địa và từ đó đến nay ông phải đóng thuế nhà đất. Năm 2007, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh NĐ về đo đất, mẹ ông là bà Nguyễn Thị H đã phân định mô mốc cho ông và ông T. Trong quá trình ở ông đã vượt lấn thêm khoảng 1000m^2 về phía Tây và đóng góp nghĩa vụ thuế đầy đủ với Nhà nước. Trước khi Nhà nước có dự án giải tỏa đất của gia đình ông thì mảnh đất đó không có giá trị cao và gia đình vẫn hòa thuận vui vẻ. Nay Nhà nước thu hồi đất thì sau khi chia lại cho các anh em thì ông và ông T còn lại số tiền là khoảng 1,25 tỷ đồng. Số tiền bồi thường ông đã sử dụng vào việc đấu đất làm nhà tái định cư. Khi bồi thường giải phóng mặt bằng thì anh Phiên là con ông cũng được mua một suất tái định cư giá 377.000.000 đồng, nhưng không phải nộp tiền mà được trừ trực tiếp vào tiền bồi thường. Nay ông xác định số tiền này là ông đang quản lý. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không nhất trí. Ông xác định đất này đã được bố mẹ cho, nên không có ý kiến gì về nghĩa vụ với Nhà nước.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Vũ Thị M (vợ của ông P) và Bà Trần Thị H (vợ của ông T) nhất trí với quan điểm của ông P và ông T và không có ý kiến bổ sung.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ bà khai hoang vượt lập lên. Bà và ông T1 là anh chị cả là người có công sức vượt lập nhiều nhất. Đến năm 2000 bà mới ra ở riêng còn trước đó bà cũng đóng góp vào việc tôn tạo vượt lập mảnh đất nói trên, vì vậy bà đề nghị phải chia tiền bồi thường quyền sử dụng đất công bằng

chia đều hết cho 07 người con và ông T, ông P phải có trách nhiệm chia lại cho các anh chị em khác.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T21 trình bày: Ông cho rằng nguồn gốc của thửa đất là của ông bà Hùng chứ không phải của ông T, ông P. Khi ông bà Hùng chết không để lại di chúc và cũng không chuyển nhượng cho anh em nào. Ông T và ông P chỉ tạm thời ở trên đất đó còn quyền sử dụng thì vẫn thuộc về ông bà Hùng. Đến nay khi nhà nước có dự án thu hồi đất để làm kênh nối Đáy - Ninh Cơ thì số tiền đền bù quyền sử dụng đất ông có quan điểm chia theo pháp luật. Hiện nay anh T2 con ông đang quản lý số tiền tương ứng với giá trị thửa đất tái định cư là 377.000.000 đồng, bởi lẽ khi chi trả tiền bồi thường Nhà nước đã khấu trừ tiền mua đất tái định cư. Trong số tiền này bao gồm cả tiền tài sản, vật nuôi... của anh T2 theo phương án bồi thường. Số tiền này sau khi trừ các khoản của anh T2, còn lại được xác định là tôi đang quản lý.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị N1 vắng mặt nhưng có bản tự khai nộp cho Toà án trình bày: Bà đề nghị phân chia số tiền đền bù là 3.301.640.000 đồng theo quy định của pháp luật. Hiện tại bà đã nhận 50 triệu đồng tiền bồi thường từ ông P

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị M vắng mặt nhưng có quan điểm tại Biên bản hoà giải tại Toà án thể hiện bà đã nhận 50 triệu đồng tiền bồi thường từ ông T và không có quan điểm gì về việc chia số tiền bồi thường nói trên.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn T22 trình bày: Anh được bố anh là ông Nguyễn Văn T21 uỷ quyền để đo đất và nhận đất của bà Nguyễn Thị H (bà nội anh T2) tuy nhiên anh không nắm được việc nhận và phân chia tiền đền bù đối với quyền sử dụng đất trên như thế nào. Hiện tại anh đang nhận một suất đất tái định cư trị giá là 377.000.000 đồng nhưng không phải nộp tiền mua đất, số tiền này được trừ trực tiếp vào tiền bồi thường. anh xác định là số tiền này có một phần là của anh (tiền tài sản, vật nuôi....theo phương án bồi thường) còn lại là của bố anh bỏ ra mua cho anh, vì bố anh được hưởng thừa kế từ ông bà. Anh xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án phân chia thừa kế. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh có quan điểm là đề nghị giải quyết theo quy định.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn P1 trình bày: Anh là con của Ông Nguyễn Văn P, anh đã xây dựng gia đình và đang ở cùng nhà với ông P. Khi Nhà nước giải phóng mặt bằng anh cũng được mua một suất đất tái định cư giá 377.000.000 đồng nhưng không phải nộp tiền mua đất, số tiền

này được trừ trực tiếp vào tiền bồi thường. Anh xác định là số tiền này bố anh bỏ ra mua cho anh. Anh xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh có quan điểm là đề nghị giải quyết theo quy định.

* Tất cả các đương sự đều thống nhất: Chỉ yêu cầu xem xét giải quyết đối với số tiền đền bù giải phóng đất là 3.301.640.000 đồng. Những khoản tiền bồi thường khác, không phải là tiền bồi thường về đất ai đang quản lý thì tiếp tục được sử dụng, không có yêu cầu chia và cũng không đề nghị xem xét vấn đề nào khác. Số tiền 120.000.000 đồng đã trích ra để xây mộ cho cha mẹ do ông T1 đang quản lý thì giao cho ông T1 tiếp tục quản lý, không tính trong di sản thừa kế đưa ra phân chia. Ông T1 đang quản lý số tiền 377.000.000 đồng là tiền mua thửa đất tái định của anh T2. Ông P đang quản lý số tiền 377.000.000 đồng là tiền mua thửa đất tái định của anh Phiên. Trong quá trình ở trên thửa đất tranh chấp, ông P và ông T có vượt lập lấn thêm diện tích đất.

* Ủy ban nhân dân xã Nghĩa L cung cấp: Thửa đất số 10 và thửa đất số 11 tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính xã Nghĩa L có nguồn gốc theo bản đồ 299 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H. Quá trình giải phóng mặt bằng thu hồi đối với hai thửa đất nói trên gia đình các con ông bà Hùng không có thắc mắc khiếu nại gì. Tuy nhiên sau khi ông T, ông P và anh T2 (con trai ông T1) nhận tiền đền bù đối với quyền sử dụng đất thì bà N đã có đơn đề nghị Uỷ ban nhân dân xã giải quyết tranh chấp. UBND xã Nghĩa L đã hoà giải giữa các đương sự nhưng không thành.

* Kết quả xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa H xác định hiện trạng thửa đất đã được giải phóng mặt bằng. Các đương sự thống nhất sử dụng kết quả đo đạc hiện trạng theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất tháng 01 năm 2020, theo đó: Tại thời điểm đo đạc thì thửa đất số 11 tờ bản đồ số 02 do Ông Nguyễn Văn P đang sử dụng còn thửa đất số 10 tờ bản đồ số 02 do Ông Nguyễn Văn T2 và Anh Nguyễn Văn T22 đang sử dụng, cụ thể như sau:

- Nguyễn Văn T2: ONT: 77,6 m2, NTS 108,2 m2, BHK: 104,3 m2. Tổng diện tích là 209,1 m2

- Nguyễn Văn T2: ONT: 211,6 m2, CLN: 443,9 m2, NTS 645,1 m2, BHK: 197.0 m2. Tổng diện tích là 1497,6 m2

- Nguyễn Văn P: ONT: 521.7 m2, NTS 1402,8 m2, BHK: 43,0 m2. Tổng diện tích là 1967,5 m2.

Toàn bộ diện tích đất nói trên đã được thu hồi giải phóng mặt bằng hết và số tiền đền bù đối với quyền sử dụng đất nói trên là 3.301.640.000 đồng, cộng với các khoản hỗ trợ khác, tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ theo quyết định là 4.556.704.000 đồng, trong đó số tiền chủ hộ được bồi thường bằng giao đất mới là 2.921.330.000 đồng, số tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư còn lại chủ sử dụng đất được nhận bằng tiền mặt là 1.635.374.000 đồng.

* Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc phân chia số tiền đền bù đối với quyền sử dụng đất do ông bà Hùng để lại là 3.301.640.000 đồng làm 07 phần bằng nhau cho 07 người con theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ đi 120.000.000 đồng trích ra để xây mộ cho cha mẹ (ông T1 đang quản lý số tiền 120.000.000 đồng).

* Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS -ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa H quyết định:

Căn cứ vào các Điều 650,651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị N, cụ thể: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị H là số tiền bồi thường giải phóng thửa đất số 10 tờ bản đồ số 01 xã Nghĩa L năm 1986 cho các ông bà: Nguyễn Văn T21, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị M.

Số tiền là 1.862.616.600 đồng, mỗi thừa kế được hưởng 266.088.085 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 266.088.085 đồng. Bà T đã nhận của ông T 50.000.000 đồng, còn được nhận tiếp 216.088.085 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Thị M số tiền 266.088.085 đồng. Bà Mát đã nhận của ông T 50.000.000 đồng, còn được nhận tiếp 216.088.085 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Thị N số tiền 124.455.245 đồng. Bà N được nhận ở ông T số tiền 124.455.245 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T21 số tiền 60.000.0000 đồng tiền xây mộ cho cha mẹ. Ông T1 đã nhận của ông T đủ 60.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Thị N1 số tiền 266.088.085 đồng. Bà Ngót đã nhận của ông P 50.000.000 đồng, còn được nhận tiếp 216.088.085 đồng.

Ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T21 số tiền 60.000.0000 đồng xây mộ cho cha mẹ và số tiền 5.563.085 đồng được hưởng thừa kế. Ông T1 đã nhận của ông P 60.000.000 đồng, còn được nhận tiếp 5.563.085 đồng.

Ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Thị N số tiền 141.632.845 đồng. Bà N được nhận ở ông P số tiền 141.632.845 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu lái suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T21, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn T2, Ông Nguyễn Văn P, Bà Nguyễn Thị N1, Bà Nguyễn Thị M mỗi người phải nộp 13.304.404 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N phải nộp 13.304.404 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 11.700.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001855 ngày 08/10/2020 được đối trừ, bà N còn phải nộp tiếp 1.604.404 đồng.

* Ngày 10/12/2021 Bà Nguyễn Thị N kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc phân chia di sản thừa kế, không đồng ý số tiền Tòa án chia cho ông T và ông P.

* Ngày 08/12/2021 Ông Nguyễn Văn T2, Ông Nguyễn Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm vơi lý do Tòa án sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dẫn đến nhận định sai lầm trong việc giải quyết, ban hành bản án không đảm bảo quyền lợi của bị đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa H.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị N, Ông Nguyễn Văn T2, Ông Nguyễn Văn P làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu thừa kế: Cụ Nguyễn Văn H sinh năm 1922, chết năm 1978 và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1939, chết năm 2015. Vì vậy xác định thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn H đã hết, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối di sản thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị H vẫn còn. Tuy nhiên trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án thì không bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[2.2] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn H, sinh năm 1922 chết năm 1978 và cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1939 chết năm 2015 có 07 người con là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; Nguyễn Văn T21, sinh năm 1959. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961; Nguyễn Thị N1, sinh năm 1966; Nguyễn Văn P, sinh năm 1968; Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; Nguyễn Thị M, sinh năm 1975. Ngoài ra hai cụ không có con đẻ, con nuôi nào khác; bố mẹ hai cụ cũng đều chết trước hai cụ. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là 07 người con đẻ hiện đang còn sống.

[2.3] Về di sản thừa kế:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất tranh chấp có từ trước năm 1973 là do cụ Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị H khai hoang vượt lập lên, do đó là tài sản chung của vợ chồng hai cụ. Theo bản đồ địa chính năm 1986, thửa đất số 10 tờ bản đồ số 1 đứng tên Hùng có diện tích 2.350m^2 (Trong đó có 360m^2 đất ở và 1990m^2 đất vườn ao). Theo kết quả đo đạc hiện trạng toàn bộ khu đất năm 2020 để làm cơ sở bồi thường hỗ trợ thì khu đất có tổng diện tích 3.755,2m^2 (Trong đó 360m^2 đất ở; 1990m^2 đất vườn ao liền với đất ở; 1.405m^2 đất nông nghiệp).

Ông Nguyễn Văn T2 và Ông Nguyễn Văn P cho rằng năm 2007, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh NĐ về đo đất, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị H đã phân định mô mốc cho ông T và ông P (lúc này cụ Hùng ông đã chết) nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh và không được các đương sự khác là đồng thừa kế của cụ Hùng thừa nhận. Về tờ "Hồ sơ kỹ thuật thửa đất" do ông P và ông T cung cấp, trong đó có ghi tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn P thửa số 2 và số 5, Nguyễn Văn T2 thửa số 1 tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa L. Qua xác minh thì tờ "Hồ sơ kỹ thuật thửa đất" này là do thực hiện kế hoạch khảo sát thực tế sử dụng đất, đứng tên người thực tế đang sử dụng đất chứ không phải là hồ sơ pháp lý để làm căn cứ xác định quyền sử dụng đất cho hộ ông P, ông T.

Như vậy di sản thừa kế của vợ chồng cụ Hùng để lại là 2.350m^2 đất (Trong đó có 360m^2 đất ở và 1990m^2 đất vườn ao), còn lại 1.405m^2 đất nông nghiệp là do ông P và ông T lấn thêm (ông P 1000m2, ông T 405,2m2). Hiện nay toàn bộ thửa đất đã được bồi thường để giải phóng mặt bằng, vì vậy xác định di sản thừa kế của vợ chồng cụ Hùng để lại là số tiền bồi thường quyền sử dụng đất.

Theo số liệu bồi thường, hỗ trợ tái định cư thì tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ là: 4.556.704.000 đồng (Trong đó 2.350m^2 đất ở và đất vườn ao = 3.196.250.000đ; 1.405m^2 đất nông nghiệp = 105.390.000đ; còn lại là số tiền bồi thường các tài sản khác và tiền hỗ trợ). Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết việc phân chia số tiền đền bù đối với quyền sử dụng đất do vợ chồng cụ Hùng để lại, còn nhà và các tài sản khác không yêu cầu chia. Ngoài ra nguyên đơn cũng đề nghị trừ đi 120.000.000 đồng trích ra để xây mộ cho vợ chồng cụ Hùng.

Trong tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ là: 4.556.704.000 đồng, thì tiền bồi thường bằng giao đất mới là 2.921.330.000 đồng, nhận bằng tiền mặt là 1.635.374.000 đồng. Hiện ông T đang quản lý sử dụng số tiền mua 01 suất đất tái định cư là 1.066.770.000 đồng và số tiền mặt là 1.000.000.000 đồng. Ông P đang quản lý sử dụng số tiền mua 02 suất đất tái định cư là 1.099.560.000 đồng + 377.000.000 đồng và số tiền mặt là 635.374.000 đồng. Ông T1 đang quản lý sử dụng số tiền 377.000.000 đồng (cho con trai là anh T2 mượn trả tiền mua 01 suất đất tái định cư). Sau khi nhận tiền bồi thường từ Nhà nước về, ông T đã đưa cho bà T và bà Mát mỗi người là 50.000.000 đồng, đưa cho ông T1 là 60.000.000 đồng; ông P đã đưa cho bà Ngót 50.000.000 đồng và ông T1 là 60.000.000 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Hùng và bà Hùng để lại

là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu chia di sản là số tiền bồi thường đất trị giá là 3.301.640.000 là không có cơ sở vì trong tổng số đất được bồi thường có phần đất nông nghiệp là do ông P và ông T lấn thêm, ngoài ra cần trừ đi công sức trông coi, bảo quản, vượt lập, bồi đắp, cải tạo đất của ông T và ông P trong thời gian hai ông quản lý sử dụng thửa đất là di sản thừa kế. Cụ thể:

* Giá trị bồi thường đối với thửa đất là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Hùng để lại (Thửa số 10 tờ bản đồ số 1 xã Nghĩa L năm 1986) gồm 360 m^2 đất ở và 1990 m^2 đất vườn ao là 3.196.250.000 đồng.

* Giá trị bồi thường đất nông nghiệp là do ông P và ông T lấn thêm (ông P 1000 m^2, ông T 405,2 m^2) là 105.390.000đ thuộc quyền sở hữu của ông P và ông T.

* Công sức trông coi, bảo quản, vượt lập, bồi đắp, cải tạo đất của hộ ông T là:

- Công đào đắp tại chỗ là (645,1m2 – 405,2m2) x 2m x 54.000đ/m3 = 25.909.200 đồng.

- Công vận chuyển đất dưới 300m: (645,1m2 – 405,2m2) x 2m x 61.000đ/m3 = 29.267.800 đồng.

- Công vượt lập thành vườn: 852,5m2 x 1m x 117.000đ/m3 = 99.742.500 đồng.

- Do vị trí đất ven sông, nên công bồi đắp, cải tạo, chống sạt lở 400.000.000 đồng.

Tổng cộng là 554.919.500 đồng.

* Công sức trông coi, bảo quản, vượt lập, bồi đắp, cải tạo đất của hộ ông P là:

- Công đào đắp tại chỗ là (1.402,8m2 – 1000m2) x 2m x 54.000đ/m3 = 43.502.400 đồng.

- Đào vận chuyển dưới 300m: (1.402,8m2 – 1000m2) x 2m x 61.000đ/m3 = 49.141.600 đồng.

- Công vượt lập thành vườn: 564,7m2 x 1m x 117.000đ/m3 = 66.069.900 đồng.

- Do vị trí đất ven sông, nên công bồi đắp, cải tạo, chống sạt lở 500.000.000 đồng.

Tổng cộng là 658.713.400 đồng.

* Ngoài ra các đồng thừa kế đều thống nhất trích ra số tiền 120.000.000 đồng để xây mộ cho cha mẹ, hiện tại ông T1 đang quản lý, giao cho ông T1 tiếp tục quản lý, không đưa ra chia (số tiền này ông P và ông T mỗi người đưa cho ông T1 60.000.000 đồng sau khi lĩnh tiền về).

Như vậy sau khi trừ đi các khoản, di sản còn lại của vợ chồng cụ Hùng là: 3.196.250.000 đồng – 554.919.500 đồng – 658.713.400 đồng – 120.000.000 đồng = 1.862.616.600 đồng.

[2.5] Chia di sản thừa kế:

Do hai cụ chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Di sản của hai vợ chồng cụ Hùng là: 1.862.616.600 đồng, chia đều cho 7 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần là 266.088.085 đồng.

Ông T nhận tiền mặt và giá trị đất tái định cư là 2.067.770.000đ, trừ đi các khoản khác và công sức vượt lập, bồi đắp, cải tạo thì số tiền xác định là di sản thừa kế ông T đang quản lý 982.719.500 đồng (2.067.770.000đ – 360.755.000đ tài sản – 39.196.000đ vật nuôi – 3.600.000đ thuê nhà – 91.170.000đ chuyển đổi nghề – 30.390.000đ đất nông nghiệp – 554.919.500đ vượt lập – 5.000.000đ chuyển tài sản = 982.719.500 đồng); Ngoài ra ông T còn đưa cho bà Mát 50 triệu đồng, bà T 50 triệu đồng, ông T1 60 triệu đồng, ông T còn quản lý 822.719.500 đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ông P nhận tiền mặt và giá trị đất tái định cư là 2.111.934.000đ, trừ đi các khoản khác và công sức vượt lập, bồi đắp, cải tạo thì số tiền xác định là di sản thừa kế ông P đang quản lý 739.372.100 đồng (2.111.934.000đ – 385.188.000đ tài sản – 16.460.000đ vật nuôi – 7.200.000đ thuê nhà – 225.000.000đ chuyển đổi nghề – 75.000.000đ đất nông nghiệp – 658.713.900đ vượt lập – 5.000.000đ chuyển tài sản = 739.372.100 đồng). Ngoài ra ông P còn đưa cho bà Ngót 50 triệu đồng, ông T1 60 triệu đồng, ông P còn quản lý 629.372.100 đồng, ông P có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ông T1 nhận một suất đất tái định cư thông qua con trai là anh T2 trị giá 377.000.000đ, trừ đi các khoản khác, còn lại là 260.525.000 đồng (377.000.000đ – 103.177.000đ tiền tài sản – 2.298.000đ tiền vật nuôi – 6.000.000đ tiền thuê nhà – 5.000.000đ tiền di chuyển tài sản = 260.525.000 đồng), nên còn được nhận thêm số tiền là 5.563.085 đồng. Riêng số tiền 120 triệu đồng ông T1 nhận từ ông P và ông T các đương sự thống nhất thỏa thuận

trích ra để xây mộ cho hai vợ chồng cụ Hùng nên không tính vào kỷ phần thừa kế, tiếp tục giao cho ông T1 quản lý.

Do bà Mát, bà T, bà Ngót mỗi người đã nhận số tiền là 50.000.000 đồng nên mỗi người còn được nhận thêm số tiền là 216.088.085 đồng. Bà N được nhận số tiền 266.088.085 đồng.

[3] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm bà N, ông T, ông P không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bà N, ông T, ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm,

[4] Những vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị kỷ phần tài sản được chia thừa kế; riêng ông T1, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Kháng cáo của bà N, ông T, ông P không được chấp nhận nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa H.

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 184, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị H để lại.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị H để lại là số tiền 1.862.616.600 đồng, chia thừa kế cho các ông bà Nguyễn Văn T21, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị M, mỗi người được hưởng 266.088.085đ (hai trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng).

3. Thanh toán chênh lệch tài sản:

- Ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 216.088.085đ (hai trăm mười sáu triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng); thanh toán cho Bà Nguyễn Thị M số tiền 216.088.085đ (hai trăm mười sáu triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng); thanh toán cho Bà Nguyễn Thị N số tiền 124.455.245đ (một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm thanh toán cho Bà Nguyễn Thị N1 số tiền 216.088.085đ (hai trăm mười sáu triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng); thanh toán cho ông Nguyễn Văn T21 số tiền 5.563.085đ (năm triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng); thanh toán cho Bà Nguyễn Thị N số tiền 141.632.845đ (một trăm bốn mươi mốt triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng).

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho ông Nguyễn Văn T21 quản lý số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), số tiền này ông T1 đã nhận của ông T 60.000.000đ và ông P 60.000.000đ để xây mộ cho vợ chồng cụ Hùng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T21, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Nguyễn Văn T2, Ông Nguyễn Văn P, Bà Nguyễn Thị N1, Bà Nguyễn Thị M và Bà Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp 13.304.000đ (mười ba triệu, ba trăm linh tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.700.000 đồng theo biên lai số 0001855 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa H, bà N còn phải nộp 1.604.000đ (một triệu, sáu trăm linh tư nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N, ông T, ông P mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại các biên lai số 0000648 ngày 08/12/2021, số 0000649 ngày 08/12/2021, số 0001301 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Nghĩa H. Bà N, ông T, ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND huyện Nghĩa H;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng